

Bản án số: **06/2020/HSPT**

Ngày: 27-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 208/2020/TLPT-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Lê Thành D, bị cáo Bùi Văn H về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 08-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXPT-HS ngày 12 tháng 10 năm 2020.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thành D, sinh năm 1985, tại huyện T1, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã P, huyện P1, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức T2, sinh năm 1954 và bà Đinh Thị Q, sinh năm 1956; có vợ là Đinh Thị Q1, sinh năm 1989; có 02 con (*con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013*); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/9/2014, bị Công an huyện P1 xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác” quy định tại điểm e, khoản 3 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP, đã nộp phạt xong ngày 10/10/2014.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn H, sinh năm 1990, tại huyện L1, tỉnh Hòa Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm B, xã C, huyện L1, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S1, sinh năm 1966 và bà Bùi Thị S2, sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/10/2012, bị Công an huyện L1, tỉnh Hòa Bình xử phạt 500.000 đồng về hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định 73/2010/NĐ-CP, đã nộp phạt xong ngày 08/10/2012.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Quảng Nam (đã chết).

- **Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn D1:**

1. Ông **Nguyễn Văn Q2**, sinh năm 1931 (là cha ruột của bị hại).

2. Bà **Hồ Thị N**, sinh năm 1944 (là mẹ ruột của bị hại).

Cùng trú tại: Thôn H1, xã V, huyện V1, tỉnh Quảng Trị; đều vắng mặt.

3. Chị **Lê Thị Minh M**, sinh năm 1986 (là vợ của bị hại); nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn Q2 và bà Hồ Thị N:
Chị Lê Thị Minh M.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu **Nguyễn Văn M1**, sinh năm 2011 (là con ruột của bị hại Nguyễn Văn D1).

Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Văn M1: Chị **Lê Thị Minh M**, sinh năm 1986 (là mẹ ruột của anh Nguyễn Văn M1). Đều trú tại: Thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

2. Anh **Hồ Văn T3**, sinh ngày 24/02/2001;

3. Anh **Hồ Văn H2**, sinh năm 1998;

Cùng trú tại: Tổ dân phố số 1, thị trấn Khâm Đức, huyện P1, tỉnh Quảng Nam; đều vắng mặt.

4. Anh **Bùi Văn S2**, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm B, xã C, huyện L1, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6 năm 2019, Lê Thành D (*thôn 2, xã P, huyện P1*) cùng với Nguyễn Văn D1 (*thôn 2 “L cũ”, xã P, P1*) là em rể của Lê Thành D và Bùi Văn H (*Xóm B, xã C, huyện L1, tỉnh Hòa Bình*) trao đổi với nhau về việc cùng tổ chức khai thác vàng trái phép tại khu vực Bãi 3, thôn 2, xã P, huyện P1. Cả nhóm thống nhất mua 01 máy phát điện, nhiên liệu, lương thực thực phẩm vào khu vực trên để khai thác vàng trái phép. Tại đây đã có sẵn lán trại, máy nổ, cối xay cũ của những người đã khai thác trước đó bỏ lại. Cả nhóm sửa chữa và bắt đầu khai thác vàng trái phép. Ngày 08/7/2019, cả nhóm thuê Hồ Văn T3 (*sinh: 2001; trú: Tổ 1, TT.Khâm Đức, P1*) và Hồ Văn H2 (*sinh: 1998; trú: Tổ 1, Khâm Đức, P1*), đến ngày 25/7/2019 thuê thêm Bùi Văn S2 (*sinh: 1995; trú: C, L1, Hòa Bình*) vào làm công. Cả nhóm thống nhất trả tiền công hằng tháng cho mỗi người là 6.000.000 đồng. Sản phẩm làm ra sau khi trừ chi phí và trả tiền công làm thuê thì chia đều cho Lê Thành D, Nguyễn Văn D1 và Bùi Văn H. Hình thức khai thác vàng là đục quặng đá trong hầm rồi đem ra cho vào cối xay để xay nhỏ, sau đó cho qua máng lọc để lọc lấy vàng. Thời gian khai thác vàng là từ 07 giờ đến 17 giờ hằng ngày. Cả nhóm tiến hành khai thác vàng đến khoảng 15 giờ ngày 30/7/2019, trong lúc đang khai thác thì bất ngờ Nguyễn Văn D1 bị đất đá sạt lở vùi lấp và chết tại chỗ.

Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 174/GĐPY-PC09 ngày 08/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Quảng Nam xác định: *Nguyễn Văn D1 chết là do đa chấn thương: Chấn thương sọ não (vỡ toác xương hộp sọ vùng trán - đỉnh và chẩm, dập mắt não); chấn thương hàm mặt (gãy xương gò má và các xương hàm) gây ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn không hồi phục.*

Theo Công văn số 1446/STNMT-KS ngày 23/8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam xác định khu vực hiện trường nơi xảy ra chết người nêu trên chưa được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản cho tổ chức cá nhân nào.

Lê Thành D và Bùi Văn H thừa nhận việc tổ chức khai thác vàng dẫn đến chết người như trên là không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian khai thác vàng trái phép, nhóm của D đã làm ra được sản phẩm vàng, sau khi đem bán chia cho 03 người, mỗi người được 13.800.000 đồng. Số tiền này các bị can dùng vào việc trả chi phí mua sắm máy móc, nhiên liệu, chi phí ăn uống và hỗ trợ tiền ma chay cho gia đình Nguyễn Văn D1.

Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã hỗ trợ cho gia đình Nguyễn Văn D1 5.000.000 đồng. Đại diện gia đình Nguyễn Văn D1 đã có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Lê Thành D, Bùi Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 08/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thành D, Bùi Văn H phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”.

Áp dụng: điểm c, đ khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo **Lê Thành D 01** (Một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn H 01** (Một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/5/2020 bị cáo Lê Thành D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Ngày 15/5/2020 bị cáo Bùi Văn H kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo D và H giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo D trình bày: Do hoàn cảnh quá khó khăn, con của bị cáo bị bại não, vợ trực tiếp chăm sóc, bị cáo là lao động chính nên xin được hưởng án treo để giúp đỡ gia đình. Bị cáo H trình bày do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bố mẹ già yếu xin được hưởng án treo để phụ giúp gia đình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của cả hai bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt của hai bị cáo như Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xem xét kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào khoảng đầu tháng 6/2019 Lê Thành D, Nguyễn Văn D1 và Bùi Văn H là anh em rể trong cùng một gia đình đã bàn bạc với nhau mua sắm dụng cụ, máy móc và thuê người để đi đào đãi vàng trái phép tại khu vực Bãi 3, thôn 2, xã P, huyện P1, tỉnh Quảng Nam. Sau một thời gian khai thác, đến 15h ngày 30/7/2019, trong lúc khai thác vàng thì do đất, đá bị sụp lở, gây ra tai nạn, hậu quả Nguyễn Văn D1 bị tử vong.

Với tính chất hành vi và hậu quả nêu trên các bị cáo Lê Thành D và Bùi Văn H đã bị Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 227, các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt mỗi bị cáo 01 năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi, quá trình phạm tội như đã nêu trên.

[2]. Xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Thành D, xét thấy:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 2 năm đến 7 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như các yếu tố về nhân thân và đã áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo 01 năm tù là ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề, đúng với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới, do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thành D. Đối với việc bị cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy trong vụ án có đồng phạm nhưng bị cáo có D vai trò chính, chủ động trong việc tổ chức khai thác tài nguyên trái phép, về nhân thân: Ngày 23/9/2014, bị cáo D bị Công an huyện P1 xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”.

Xét tình hình khai thác tài nguyên trái phép xảy ra tại địa phương tỉnh Quảng Nam có phần nổi cộm, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa bàn, do vậy, cần có biện pháp hình phạt tù đối với tội phạm có tổ chức, giữ vai trò chủ yếu, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 năm tù có thời hạn là có căn cứ, đúng với pháp luật, đáp ứng nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng tù treo của bị cáo Lê Thành D. Giữ nguyên quyết định về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo D tại Bản án hình sự sơ thẩm.

[3]. Xem xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Bùi Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Về tính chất phạm tội của bị cáo H thì cũng giống với bị cáo D, vai trò tương ứng nhau, quá trình nhân thân bị cáo H ngày 08/10/2012, bị Công an huyện L1, tỉnh Hòa Bình xử phạt 500.000 đồng về hành vi “Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác”. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo 01 năm tù là ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề, tương xứng, đúng với quy định của pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới, do vậy, cũng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Bùi Văn H.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thành D và bị cáo Bùi Văn H, giữ nguyên mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt tại Bản án sơ thẩm.

Đối với các nội dung khác của Bản án sơ thẩm về truy thu tiền hưởng lợi bất chính, án phí hình sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Lê Thành D và bị cáo Bùi Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1, Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thành D, và bị cáo Bùi Văn H, giữ nguyên phần quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm

Áp dụng: điểm c, đ khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thành D 01** (Một) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn H 01** (Một) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Đối với các nội dung khác của Bản án sơ thẩm về truy thu tiền hưởng lợi bất chính, án phí hình sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Thành D và bị cáo Bùi Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi